

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-ST
Ngày: 12-9-2017
V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Rum;

2. Bà Phạm Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Lập, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; cư trú tại: Tổ 20, ấp S, xã T, huyện T, Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1972;

Ông Lê Thành C, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Tổ 9, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; bà M có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016, bà có bán gà và cho bà Huỳnh Thị M vay tổng số tiền 212.000.000 đồng, do bà M vay của bà nhiều lần nên bà không nhớ bao

nhiều tiền gà và bao nhiêu tiền vay. Sau đó, bà và bà M có làm giấy nợ ngày 11/11/2015 (âm lịch) nội dung bà M vay của bà số tiền 121.000.000 đồng và giấy nợ ngày 20/5/2016 (âm lịch) nội dung bà M vay của bà số tiền 91.000.000 đồng. Hai giấy nợ, bà M là người ký và ghi họ tên. Đến nay bà M chưa trả cho bà được số tiền nào. Nay bà yêu cầu bà M và ông C trả cho bà số tiền 212.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 4 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà thừa nhận bà có nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 212.000.000 đồng. Số tiền này bao gồm tiền bà mua gà và tiền vay của bà H. Hai bên có làm giấy nợ, bà có ký và ghi họ tên vào giấy nợ ngày 11/11/2015 (âm lịch) giấy nợ ngày 20/5/2016 (âm lịch). Bà không nhớ bao nhiêu tiền gà và bao nhiêu tiền vay, tiền lãi vay. Bà không có chứng cứ chứng minh việc bà H cộng tiền vay, lãi vay vào số tiền 212.000.000 đồng.

Ông Lê Thành C, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là chồng của bà. Bà và ông C chung sống vợ chồng từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Ông bà có 02 con chung tên Lê Thị Y, sinh ngày 02/01/1990 và Lê Thành T, sinh năm 1994. Sự việc mua bán giữa bà và bà H ông C hoàn toàn không biết, vì lúc đó bà và ông C đang sống ly thân, bà và ông C tự ai người đó làm ăn, 02 người con cũng tự lo cho cuộc sống riêng của con, bà không phải lo cho con. Tiền lời từ việc mua bán gà bà dùng để trang trải cuộc sống hàng ngày của vợ chồng, trả tiền nợ của những người khác.

Nay bà H yêu cầu bà và ông C hoàn trả số tiền 212.000.000 đồng, bà đồng ý trả nhưng không đồng ý ông C cùng trả số tiền trên cho bà H.

Bị đơn ông Lê Thành C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng ông C không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông C và không tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục đúng theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà Huỳnh Thị M đã đóng được tiền lãi 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu bà M hoàn trả cho bà số tiền 185.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Bà M yêu cầu bà Nguyễn Thị H bớt xuống còn 170.000.000 đồng thì bà đồng ý trả.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 99, 195, 196 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị M có nợ bà Nguyễn Thị H tiền gà và tiền vay 212.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận có nhận 21.000.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu bà M, ông C trả số tiền 185.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Bà M, ông C chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn. Tiền lời từ việc mua bán bà M dùng để chi tiêu sinh hoạt của vợ chồng và trả nợ. Yêu cầu của bà H là hoàn toàn có cơ sở, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Lê Thành C hoàn trả số tiền 212.000.000 đồng, thể hiện qua hai giấy nợ ngày 11/11/2015 (âm lịch) và ngày 20/5/2016 (âm lịch). Tuy nhiên, qua thu thập chứng cứ có đủ cơ sở xác định số tiền 212.000.000 đồng bao gồm tiền mua bán gà và tiền vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán và vay tài sản”.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Thị M, ông Lê Thành C xảy ra trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

[4] Về hợp đồng mua bán và vay tài sản:

Việc mua bán gà và vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Thị M là có thật, được hai bên thừa nhận và được thể hiện qua hai giấy nợ ngày 11/11/2015 (âm lịch) và giấy nợ ngày 20/5/2016 (âm lịch) với tổng số tiền 212.000.000 đồng có chữ ký của bà M. Bà M thừa nhận nợ bà H số tiền 212.000.000 đồng. Bà M cho rằng trong số tiền 212.000.000 đồng, bà H có cộng tiền lãi vay, bà H thừa nhận bà có nhận tiền lãi của bà M 07 tháng số tiền 21.000.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu bà M và ông C hoàn trả số tiền 185.000.000 đồng. Bà M đồng ý trả bà H số tiền 170.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 428, 438, 471 và Điều 474 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 buộc bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H số tiền 185.000.000 đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

[5] Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Lê Thành C cùng có trách nhiệm trả số nợ 185.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Cơ sở để bà H yêu cầu ông C cùng trả nợ là vì bà M và ông C là vợ chồng, số tiền nợ bà H là tiền mua bán gà và tiền vay. Bà M chỉ đồng ý một mình bà trả cho bà H, không đồng ý ông C cùng trả.

Xét lời trình bày của bà H, bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc mua bán gà và vay tiền giữa bà H và bà M được thể hiện trong giấy ngày 11/11/2015 (âm lịch) và giấy ngày 20/5/2016 (âm lịch), có chữ ký của bà M, được bà M thừa nhận. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của bà H thì không có chứng cứ nào vững chắc, trực tiếp để chứng minh số tiền 185.000.000 đồng là số tiền nợ chung của bà M và ông C. Mặt khác, bà M và ông C không đăng ký kết hôn, trong quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với ông Châu nên không có căn cứ để buộc ông Lê Thành C liên đới cùng trả nợ với bà Huỳnh Thị M. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lê Thành C cùng có trách nhiệm trả số tiền 185.000.000 đồng cùng với bà Huỳnh Thị M.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị M phải chịu 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 428, 438, 471 và Điều 474 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán và vay tài sản”.

Buộc bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị H không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị M không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Huỳnh Thị M còn phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lê Thành C cùng có trách nhiệm trả số tiền 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng cùng với bà Huỳnh Thị M.

3. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị M phải chịu 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003982 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương

